

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LANG CHÁNH
TỈNH THANH HOÁ**

**Bản án số: 18/2020/HSST
Ngày 07 tháng 7 năm 2020**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH
Thành phần Hội đồng xét xử gồm có**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Ê và bà Phạm Thị M;

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn L - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở TAND huyện Lang Chánh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2020/TLST- HS ngày 06/5/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HS ngày 05/6/2020 đối với các bị cáo:

1. Lê Đức H- Sinh ngày 29/5/2002, tại xã Trí Nang, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Bản Giàng Vìn, xã Trí Nang, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12;

Dân tộc: Thái; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Lê Xuân Q và bà Hà Thị Th, bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại và đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đặng Văn Đ- Trợ giúp viên- Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 2; Có mặt;

Địa chỉ: Phố Lê Duẩn, thị trấn Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa

2. Phạm Thanh T, sinh năm 1999; tại xã Trí Nang, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Bản Giàng Vìn, xã Trí Nang, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 9/12;

Dân tộc: Thái; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Phạm Thanh B và bà Lê Thị L, bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 21/4/2020 bị Công an huyện Lang Chánh xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng;

Bị cáo tại ngoại và đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lê Thị Thu V- Trợ giúp viên- Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 2; Có mặt;

Địa chỉ: Phố Lê Duẩn, thị trấn Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa;

Người bị hại: Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Bản Cây, xã Trí Nang, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

** Người làm chứng:*

1. Lê Hữu T, sinh năm 1991 (Vắng mặt);

Trú tại: Khu phố Lê Lợi, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

2. Nguyễn Như Ng, sinh năm 1972(Vắng mặt);

Trú tại: Khu phố Nguyễn Trãi, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

3. Lê Thùy D, sinh năm 2003 (Vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của người làm chứng: Phạm Thị Dưỡng (Mẹ đẻ) Vắng mặt;

Đều trú tại: Thôn Sơn Thủy, xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa;

4. Lò Trung H, sinh năm 2003 (Vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của người làm chứng: Lò Văn H (Bố đẻ) Vắng mặt;

Đều trú tại: Bản Ngàn Pốc, xã Yên Thắng, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 06 tháng 01 năm 2020, Lê Đức H ở bản Giàng Vìn, xã Trí Nang, huyện Lang Chánh, chở Lê Thùy D đi thăm một người bạn bị tai nạn giao thông, khi đi qua nhà Phạm Thanh T ở cùng bản Giàng Vìn thì gặp T, T nói tỷ nữa quay lại nhà Lê Phi N để uống rượu. Sau khi thăm xong H quay lại nhà anh N thì T cũng có mặt ở đó, do H biết Đại mới mua được điện thoại mới nên H nói với T gọi Đại xuống uống rượu và chúc cho Đ say rượu để lừa lấy chiếc điện thoại đi cầm cố lấy tiền hát karaoke, T đồng ý và lấy xe mô tô đi mua một thùng bia, H đến nhà rủ Đ cùng một số người đến nhà anh N uống rượu. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, sau khi uống bia xong, T, H rủ Phạm Văn Đ và một số người đến quán nguyên H ở khu phố Nguyễn Trãi, thị trấn Lang Chánh hát karaoke. Trong lúc đang hát, T hỏi mượn chiếc điện thoại di động của anh Đ nói là để nhắn tin, gọi điện cho bạn; sau khi lấy được điện thoại của Đ, T, H đi ra khỏi phòng hát mục đích đem điện thoại đi cầm cố, thấy vậy anh Đ đi theo đòi lại nhưng T nói là cầm điện thoại đi để liên lạc và đón bạn, xong Tg và H đem chiếc điện thoại đến quầy cửa hàng điện thoại ở khu phố Lê Lợi, thị trấn

Lang Chánh cầm cổ cho anh Lê Hữu T lấy số tiền 1.800.000đ, xong T và H quay lại quán hát karaoke thanh toán tiền hát là 640.000đ, số tiền còn lại T, H cùng nhau tiêu xài. Đến chiều ngày 07/01/2020 Lê Đức H đến cửa hàng điện thoại thỏa thuận bán luôn chiếc điện thoại đã cầm cổ trước đó cho anh Lê Hữu T lấy thêm 200.000đ tiêu xài cá nhân.

Theo bản kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự số: 02/KL-HĐĐG ngày 20/01/2020 của Hội đồng định giá UBND huyện Lang Chánh, thì giá trị chiếc điện thoại màu xanh, góc dưới bên trái có ghi chữ REALME, điện thoại cũ đã qua sử dụng có giá trị 2.900.000đ (*Hai triệu chín trăm nghìn đồng*).

Về phần bồi thường: Trong giai đoạn điều tra, Anh Phạm Văn Đ yêu cầu các bị cáo phải trả lại chiếc điện thoại mà các bị cáo chiếm đoạt vào ngày 06/01/2020.

Về vật chứng vụ án: 01 chiếc điện thoại di động màu xanh, góc dưới bên trái có ghi chữ REALME, điện thoại cũ đã qua sử dụng, chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Lang Chánh để đảm bảo việc xét xử và thi hành theo Quyết định chuyển vật chứng số: 07/QĐ-VKSLC, ngày 04/5/2020 của VKSND huyện Lang Chánh.

Tại Bản cáo trạng số 13/Ctr-VKS- LC ngày 04/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh đã truy tố các bị cáo Lê Đức H và Phạm Thanh T tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 174 BLHS.

Tại phiên toà sơ thẩm, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 174 ; Điều b, i , s khoản 1 Điều 51; Điều 17 , 58 Điều 90, 91 và Điều 100 của BLHS đối với bị cáo Lê Đức H.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 174; Điều b, i , s khoản 1 Điều 51; Điều 17 , 58 và Điều 38 của BLHS đối với bị cáo Phạm Thanh T.

Xử phạt bị cáo Lê Đức H từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo H cho chính quyền địa phương quản lý giáo dục. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Xử phạt bị cáo Phạm Thanh T từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra các bị cáo Lê Đức H và Phạm Thanh T đã tự nguyện đến cửa hàng cầm cố điện thoại bồi thường tiền và chuộc lại chiếc điện thoại đã chiếm đoạt của anh Đ giao lại cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Lang Chánh. HĐXX miễn xét.

Về án phí: Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo đã có đơn đề nghị xin miễn nộp tiền án phí, nên miễn nộp tiền án phí HSST cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo H tại phiên tòa hôm nay đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Lê Đức H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 174 BLHS, đề nghị HĐXX áp dụng các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 90, 91 và Điều 100 của BLHS đối với bị cáo Lê Đức H. Xử phạt bị cáo Lê Đức H từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Đề nghị HĐXX chấp nhận việc bị cáo đã bồi thường tài sản chiếm đoạt cho người bị hại. Và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo thuộc gia đình hộ cận nghèo, bị cáo đã có đơn đề nghị xin miễn nộp tiền án phí, nên miễn nộp tiền án phí HSST cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo T tại phiên tòa hôm nay đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Phạm Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 174 BLHS, đề nghị HĐXX áp dụng các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của BLHS. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Trợ giúp viên đề nghị HĐXX xem xét áp dụng Điều 54 xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Xử phạt bị cáo Phạm Thanh T từ 03 tháng đến 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Đề nghị HĐXX chấp nhận việc bị cáo đã bồi thường xong phần dân sự cho người bị hại.

Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo đã có đơn đề nghị xin miễn nộp tiền án phí, nên miễn nộp tiền án phí HSST cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo đã thành khẩn nhận tội và không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, áp dụng mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo để bị cáo có điều kiện cải tạo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên trong giai đoạn điều tra người bị hại yêu cầu các bị cáo trả lại tài sản đã bị chiếm đoạt.

Quan điểm của KSV đại diện Viện kiểm sát không đồng ý với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Phạm Thanh T về việc đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng Điều 54 của BLHS xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, từ 03- 06 tháng tù. KSV phân tích, bị cáo tục tiếp dùng lời nói gian dối để bằng mọi cách chiếm đoạt được tài sản của người khác. Sau khi có hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác và đã bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Lang Chánh khởi tố vụ án điều tra hành vi, bị cáo T được tại ngoại tại địa phương thì tháng 4 năm 2020 bị cáo lại có hành vi gây rối trật tự công cộng, bị Công an xử phạt hành chính. Điều đó thể hiện sự coi thường của pháp luật bị cáo nên Đại diện VKS vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và đề nghị HĐXX xem xét áp dụng mức hình phạt phù hợp với hành vi của bị cáo gây ra để răn, đe giáo dục và phòng ngừa chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, cán bộ Điều tra Công an huyện Lang Chánh, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện trình tự, thủ tục đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nội dung bản Cáo trạng đã nêu, các chứng cứ, tài liệu được thu thập chứng minh trong hồ sơ vụ án, phù hợp với kết quả tranh luận tại phiên tòa, đủ cơ sở để kết luận:

Vào khoảng 14 giờ ngày 06/01/2020, Lê Đức H chơi thân với Phạm Văn Đ và biết Đ vừa mua một chiếc điện thoại di động vào buổi sáng cùng ngày, khi gặp T người cùng bản với H và lại được T mời uống rượu, H nảy sinh ý định muốn chiếm đoạt tài sản của Đ, H nói với T mời Đ đến uống rượu rồi chúc cho Đ uống rượu say lừa chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh Đ đi cầm cố lấy tiền hát karaoke. T đồng ý rồi đi mua bia, H đến nhà Đ rủ Đ và một số người bạn của Đ đến nhà anh N uống bia. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày T, H rủ Đ và một số bạn đến quán Nguyễn H ở khu phố Nguyễn Trãi thị trấn Lang Chánh để hát karaoke, trong lúc đang hát T, H đã có ý định muốn chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh Đ từ trước nên đã dùng lời nói gian dối để chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh Đ. Sau khi chiếm đoạt được chiếc điện thoại của anh Đ T, H đem đi cầm cố được số tiền 1.800.000đ; T trả tiền hát karaoke hết 640.000đ; số tiền còn lại T và H cùng chi tiêu hết.

Theo bản kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự số: 02/KL-HĐĐG ngày 20/01/2020 của Hội đồng định giá UBND huyện Lang Chánh, thì giá trị chiếc điện thoại màu xanh, góc dưới bên trái có ghi chữ REALME, điện thoại cũ đã qua sử dụng có giá trị 2.900.000đ (*Hai triệu chín trăm nghìn đồng*).

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh truy tố các bị cáo về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Khoản 1, Điều 174 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. các bị cáo dùng lời nói gian dối để chiếm đoạt tài sản. Hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội gây tâm lý hoang mang và dư luận xấu cho nhân dân trên địa phương. Để pháp luật được tôn trọng, tài sản của công dân được bảo hộ; để giáo dục

người phạm tội và đấu tranh phòng ngừa tội phạm, hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm theo quy định của Bộ luật hình sự.

[4] Đây là vụ án có đồng phạm, mặc dù trước khi thực hiện tội phạm các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhau, nên chỉ là đồng phạm giản đơn.

Đối với bị cáo Lê Đức H là tên khởi sừng rử rê T thực hiện hành vi phạm tội, H cũng là người chủ động đi đón Đ đến uống rượu. Tuy nhiên Lê Đức H khi phạm tội chưa đến 18 tuổi nên cần xem xét mức hình phạt nhẹ hơn bị cáo T.

Đối với bị cáo T, khi được H rủ rê không những không can ngăn mà còn vào hùa thực hiện tích cực, T là người dùng lời nói gian dối để chiếm đoạt tài sản của anh Đ, sau đó T, H cùng đi cầm cố điện thoại lấy số tiền và cùng nhau chi tiêu,

[5] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo thì thấy rằng, cả hai bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng, và đều có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Xét nhân thân và trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Đối với bị cáo H từ trước đến nay chưa vi phạm gì, có chỗ ở ổn định rõ ràng, khi phạm tội bị cáo chưa đến 18 tuổi nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà chỉ cần áp dụng Điều 100 của BLHS cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện cải tạo tại bị cáo trở thành người tốt, và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với bị cáo T có nhân thân xấu, sau khi có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, thì bị cáo lại bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Lang Chánh xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự nơi công cộng, nên cần phải áp dụng Điều 38 của BLHS cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

[8] Về phần bồi thường: Tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt của anh Phạm Văn Đ là chiếc điện thoại di động. Anh Đ đề nghị các bị cáo trả lại tài sản bị chiếm đoạt.

Trong giai đoạn điều tra các bị cáo đã tự nguyện bồi thường chuộc lại chiếc điện thoại di động giao nộp cho cơ quan CSĐT, hiện đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lang Chánh. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh Phạm Văn Đ được nhận lại chiếc điện thoại nêu trên tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lang Chánh.

[9] Về án phí: Theo chứng cứ mà các bị cáo cung cấp, thì các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số hiện đang sinh sống tại vùng kinh tế-xã hội khó khăn, các bị cáo có Đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí HSST; HĐXX xét thấy các bị cáo thuộc diện được miễn toàn bộ tiền án phí nên miễn nộp tiền án phí HSST cho các bị cáo theo qui định của pháp luật.

[10] Đối với việc anh T mua chiếc điện thoại của các bị cáo, do anh T không biết là chiếc điện thoại các bị cáo phạm tội mà có nên không xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh T là đúng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 90, 91; Điều 17, 58; Điều 100, của BLHS; Điều 331; 333 của BLTTHS đối với bị cáo H;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 38, của BLHS; Điều 331; 333 của BLTTHS đối với bị cáo T;

Căn cứ: Điểm đ Khoản 1 Điều 12; Khoản 6 Điều 15, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ: Điểm b, khoản 3 Điều 106 của BLTTHS;

Tuyên bố: Các bị cáo **Lê Đức H và Phạm Thanh T** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

Xử phạt: Bị cáo Lê Đức H 09(Chín)tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày chính quyền địa phương nhận được quyết định thi hành án, bản sao bản án; và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Giao bị cáo Lê Đức H cho UBND Xã Trí Nang, huyện Lang Chánh giám sát và giáo dục.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thanh T 06(Sáu)tháng tù. Thời hạn chấp hành tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về phần bồi thường: Chấp nhận các bị cáo đã thực hiện xong phần bồi thường.

Về xử lý vật chứng: Trả lại cho anh Phạm Văn Đ chiếc điện thoại di động màu xanh, góc dưới bên trái có ghi chữ REALME hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lang Chánh, theo Quyết định chuyển vật chứng số: 07/QĐ-VKSLC, ngày 04/5/2020 của VKSND huyện Lang Chánh

Về án phí: Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo, Vắng mặt người bị hại. Các bị cáo, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./

Nơi nhận:

- Bị cáo; người bị hại,
- VKSNDH. Lang Chánh, VKSND tỉnh TH
- Công an huyện Lang Chánh
- Chi cục THADS Lang Chánh;
- TAND Tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Trí Nang, H. Lang Chánh
- Lưu hồ sơ vụ án;

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Trương Thị H